

TUYỂN SINH DU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG  
KỲ THÁNG 9 NĂM 2026

문화로 세상의 빛이 되는

KEIMYUNG COLLEGE UNIVERSITY SINCE 1962



계명문화대학교  
KEIMYUNG COLLEGE UNIVERSITY

# I. ĐIỀU KIỆN ỨNG TUYỂN VÀ CÁCH THỨC XÉT TUYỂN DU HỌC SINH NƯỚC NGOÀI KỲ THÁNG 9 NĂM HỌC 2026

## 1. Điều kiện ứng tuyển

- Người đã có bằng tốt nghiệp THPT trở lên
- Người có bố mẹ là người ngoại quốc
- Những đối tượng không bị hạn chế điều kiện đổi visa (D-2-1)
- Người có chứng chỉ tiếng Hàn hoặc chứng chỉ tiếng Anh (tham khảo mục 8 phần hồ sơ tuyển sinh)

## 2. Cách thức xét tuyển

Phân loại xét tuyển		Đánh giá thành tích và điểm số
Tuyển chọn ngoài chỉ tiêu	Học sinh nước ngoài trong và ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dựa vào phỏng vấn chuyên sâu                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Yếu tố đánh giá : Ý trí học tập, khả năng thích ứng, năng lực biểu hiện, kiến thức chuyên ngành.</li> <li>Mỗi yếu tố đánh giá là 25% số điểm (điểm tối đa 100 điểm)</li> </ul> </li> <li>※ Những người có điểm phỏng vấn dưới 50 điểm sẽ trượt phỏng vấn (không tham gia phỏng vấn đồng nghĩa với kết quả trượt phỏng vấn)</li> <li>※ Khoa biểu diễn âm nhạc : Tiến hành kiểm tra thực hành (không tham gia thi thực hành đồng nghĩa với kết quả trượt phỏng vấn)</li> </ul>

# II. HƯỚNG DẪN VỀ HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

## 1. Học phí của trường cao đẳng văn hóa Keimyung (trường hợp đóng 100%)

- Khối xã hội nhân văn 1 : (kỳ nhập học) 3,017,000w (các kỳ còn lại) 2,779,000w
- Khối xã hội nhân văn 2 (chỉ áp dụng với khoa hành chính y tế) : (kỳ nhập học) 3,290,000w (các kỳ còn lại) 3,052,000w
- Khối kỹ thuật, tự nhiên, nghệ thuật : (kỳ nhập học) 3,591,000w (các kỳ còn lại) 3,353,000w
- ※ Học phí có thể thay đổi tùy theo quy định của trường

## 2. Hướng dẫn về học phí và học bổng (Phí hội viên 79,000w đóng riêng) – sinh viên mới

Điều kiện		Học bổng				
		Miễn giảm	[Khối xã hội nhân văn 1]		[Khối kỹ thuật, tự nhiên, nghệ thuật]	
			Mới nhập học	Học bổng	Học phí	Học bổng
TOPIK	Topik level 2 ~ level 4	50%	1,508,500w	1,508,500w	1,795,500w	1,795,500w
Chứng chỉ hội nhập xã hội	Chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội cấp 2 ~ cấp 4					
Chứng chỉ SEJONG	Chứng chỉ sơ cấp 2 trở lên					
Chứng chỉ tiếng Anh	TOEFL iBT 59, IELTS 5.5, CEFR B2, NEW TEPS 202 điểm hoặc kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương ứng					
TOPIK cấp 5 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội cấp 5 (lớp cơ bản)		70%	2,111,900w	905,100w	2,513,700w	1,077,300w
TOPIK cấp 6 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội cấp 5 (lớp chuyên sâu)		80%	2,413,600w	603,400w	2,872,800w	718,200w

※ Khối xã hội nhân văn 2 (khoa hành chính y tế) áp dụng tiêu chí trên để cấp học bổng cho sinh viên mới.

**3. Hướng dẫn về học phí và học bổng (Phí hội viên 79,000w đóng riêng) - sinh viên đang theo học**

Điều kiện	Học bổng				
	Miễn giảm	[Khối xã hội nhân văn 1]		[Khối kỹ thuật, tự nhiên, nghệ thuật]	
		Đang theo học	Học bổng	Học phí	Học bổng
TOPIK cấp 2 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội 2	20%	555,800w	2,223,200w	670,600w	2,682,400w
TOPIK cấp 3 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội 3	30%	833,700w	1,945,300w	1,005,900w	2,347,100w
TOPIK cấp 4 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội 4	50%	1,389,500w	1,389,500w	1,676,500w	1,676,500w
TOPIK cấp 5 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội 5 (lớp cơ bản)	70%	1,945,300w	833,700w	2,347,100w	1,005,900w
TOPIK cấp 6 hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình hội nhập xã hội 5 (lớp chuyên sâu)	80%	2,223,200w	555,800w	2,682,400w	670,600w

※ Khối xã hội nhân văn 2 (khoa hành chính y tế) áp dụng tiêu chí trên để cấp học bổng cho sinh viên đang theo học tại trường.

**III. HƯỚNG DẪN VỀ KÝ TÚC XÁ TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG (Tòa 동산생활관)**

○ Phân loại phòng và số lượng người sử dụng

Phân loại	Quy mô		Phí KTX	Đồ dùng trong phòng	Thiết bị dùng chung tập thể	Ghi chú
	Loại phòng	Tổng SV				
KTX nam (ngoài trường)	2 người	138 người	620,000w	bàn học, ghế, tủ quần áo	phòng tắm, tủ giày, bếp gas, bồn rửa bát, tủ lạnh, máy giặt	phòng trọ one room
KTX nữ (trong trường)	4 người (tòa A)	140 người	490,000w		nhà vệ sinh, phòng tắm, phòng nghỉ giải lao, phòng máy tính, phòng giặt, nhà bếp,	KTX trong trường
	4 người (tòa B)	136 người	540,000w			
	2 người (tòa B)	20 người	820,000w			

- Các bữa ăn không bao gồm trong phí ký túc xá (bữa ăn có thể được nấu trong ký túc xá hoặc sử dụng tại căng tin sinh viên trong khuôn viên trường)

- Mọi thắc mắc về ký túc xá liên hệ : 053-589-7982

## IV. HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG KỶ THÁNG 9 NĂM HỌC 2026

### ■ Hồ sơ chuẩn bị(Required documents)

STT	Hồ sơ	ngoài nước	trong nước	Tham khảo
1	Giấy đăng ký nhập học, giới thiệu bản thân (tiếng Hàn)	●	●	Mẫu đơn của trường
2	Bằng + học bạ tốt nghiệp cao nhất	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn), dấu xác nhận của Đại sứ quán trong vòng 6 tháng
3	<b>Giấy xác nhận số dư : 16.000.000w trở lên (tính theo tỉ giá won)</b> <b>Đối với học sinh học tiếng tại trường : 8.000.000w trở lên (tính theo tỉ giá won)</b>	●	●	<b>Nộp bản gốc (trong vòng 1 tháng)</b> Hồ sơ bắt buộc đối với số tiền chứng minh tài chính. Ví dụ : giấy xác nhận chuyển tiền, sao kê giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài, v.v.
4	Giấy đảm bảo tài chính (chứng nhận thu nhập của người bảo hộ)	●	-	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn), <b>trong vòng 6 tháng</b>
5	Sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận cư trú (giấy chứng tử, giấy li hôn, kết hôn – nếu có)	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn), <b>trong vòng 6 tháng</b>
6	Chứng minh thư của người bảo hộ (hoặc hộ chiếu)	●	-	
7	<b>Giấy khai sinh</b>	●	●	Dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn), <b>trong vòng 6 tháng</b>
8	<b>Chứng chỉ TOPIK</b>	Chọn 1	Chọn 1	Topik cấp 2 trở lên
	<b>Chứng chỉ chương trình hội nhập xã hội</b>			Chứng chỉ hội nhập xã hội lớp 2 trở lên
	<b>Chứng chỉ SEJONG</b>			Chứng chỉ sơ cấp 2 trở lên
	<b>Chứng chỉ tiếng Anh</b>			TOEFL iBT 59, IELTS 5.5, CEFR B2, NEW TEPS 202 điểm hoặc kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương ứng
9	Hồ sơ liên quan đến học tiếng Giấy xác nhận đang học theo học tại trường (재학증명서) Giấy xác nhận thành tích và chuyên cần (성적 및 출석 증명서) Giấy xác nhận hoàn thành chương trình học tiếng (수료증)	-	●	<b>Chuyên cần trên 70%</b>
10	Hộ chiếu, ảnh thẻ (JPG, GIF)	●	●	
11	Phí đổi visa 130.000w	-	●	
12	Hợp đồng nhà	-	●	Khu vực Daegu

※ Hồ sơ có thể thay đổi nếu như có yêu cầu của cục xuất nhập cảnh hoặc đại sứ quán Hàn Quốc.

※ Nếu hồ sơ bản gốc không phải tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì bắt buộc phải dịch công chứng.

※ Sinh viên nộp hồ sơ bản scan (PDF) thì phải scan file và lưu file theo từng hạng mục hồ sơ

- Ví dụ : : 잔고증명(학생성명).pdf, 최종학력(학생성명).pdf, 보호자수입증명(학생성명).pdf 등

※ Mục số 8 chỉ chọn 1 trong 4 cái để nộp.

※ Visa E, F hồ sơ nhập học đơn giản hơn, liên hệ văn phòng để biết thêm chi tiết.

※ **Đỗ chứng chỉ thi Topik đầu vào của trường cao đẳng văn hóa Keimyung được công nhận như Topik cấp 2 (giảm 50% học phí cho kỳ đầu tiên).**

**Tuy nhiên, từ học kỳ 2 sinh viên phải nộp lại chứng chỉ Topik cấp 2 trở lên hoặc chương trình hội nhập xã hội 2 trở lên thì mới được miễn giảm học phí.**

※ **Những sinh viên nhập học với thành tích liên quan đến chứng chỉ tiếng Anh hoặc chứng chỉ Sejong từ học kỳ 2 sinh viên phải nộp lại chứng chỉ Topik cấp 2 trở lên hoặc chương trình hội nhập xã hội 2 trở lên thì mới được miễn giảm học phí.**

※ **Tất cả các đơn đăng ký và hồ sơ đã nộp sẽ không được trả lại.**

# V. HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH DU HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA KEIMYUNG – NĂM HỌC 2026

## 1. Lịch tuyển sinh

Phân loại	Nộp hồ sơ	Phỏng vấn	Thông báo kết quả	Đóng học phí	Đăng ký xin thị thực
Đợt 1	(T2).11.05.2026 ~ (T6).05.06.2026	(T5).11.06.2026 ~ (T6).12.06.2026	(T3).16.06.2026	(T2).22.06.2026 ~ (T4).24.06.2026	(T2).29.06.2026
Đợt 2	(T2).22.06.2026 ~ (T6).03.07.2026	(T5).09.07.2026 ~ (T6).10.07.2026	(T4).15.07.2026	(T2).20.07.2026 ~ (T4).22.07.2026	(T2).27.07.2026
Lưu ý	※ Liên hệ tư vấn nhập học và tiếp nhận hồ sơ : đến trực tiếp văn phòng hợp tác quốc tế 복지관 2층 국제처 유학생지원팀 hoặc qua email (ofofarmer@kmcu.ac.kr) ※ Tất cả các sinh viên trong và ngoài nước phải nộp hồ sơ bản gốc → Chi tiết hồ sơ tham khảo phần hướng dẫn đăng ký và nộp hồ sơ nhập học ※ Sinh viên ở nước ngoài thì tiến hành phỏng vấn online (phỏng vấn qua điện thoại hoặc qua zoom) ※ Xét tuyển du học sinh nước ngoài có thể thay đổi một phần lịch trình xét tuyển dựa theo lịch trình xét tuyển visa của đại sứ quán và cục quản lý xuất nhập cảnh ※ <b>Nếu không tham gia phỏng vấn đồng nghĩa với kết quả trượt phỏng vấn</b>				

※ Lịch trình có thể thay đổi tùy theo nội bộ của nhà trường.

## 2. Cách thức nộp hồ sơ

Phân loại	Nội dung
Nộp trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nơi tiếp nhận hồ sơ : trường cao đẳng văn hóa Keimyung văn phòng hợp tác quốc tế (계명문화대학교 복지관 2층 국제처 유학생지원팀)</li> <li>Thời gian tiếp nhận hồ sơ : ngày thường 9:00 ~ 19:00 (T7 đến 14:00)</li> <li>※ Chủ nhật và các ngày lịch lễ nghỉ không làm việc</li> </ul>
Gửi bưu phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn đăng ký và hồ sơ bổ sung phải được nộp trước 18:00 vào ngày hết hạn đăng ký</li> <li>Hồ sơ cần nộp : đơn nhập học và hồ sơ bổ sung khác</li> <li>Địa chỉ : (우)42601 대구광역시 달서구 달서대로 675 계명문화대학교 복지관 2층 국제처 유학생지원팀 (675 Dalseo-daero, Dalseo-gu, Daegu, 42601, KOREA)</li> </ul>
In phiếu đăng ký / phiếu dự thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Truy cập trang chủ &gt; đăng ký hồ sơ &gt; tra cứu hồ sơ đăng ký (입학홈페이지 → 원서접수 → 원서접수 조회)</li> </ul>
Kiểm tra ngày và địa điểm phỏng vấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Liên hệ riêng với văn phòng hỗ trợ du học sinh</li> </ul>

## 3. Phỏng vấn và thi thực hành

Khoa (ngành)	Nội dung	Ghi chú
Tất cả các khoa [ngoại trừ khoa biểu diễn âm nhạc]	Dựa theo tiêu chí phỏng vấn của từng khoa	Mang theo phiếu dự thi, thẻ cư trú
Khoa biểu diễn âm nhạc	Dựa theo tiêu chí thi thực hành của khoa	Chuẩn bị : dụng cụ cá nhân (nhạc cụ, v.v)

※ Nếu không tham gia phỏng vấn và thi thực hành thì điểm phỏng vấn sẽ được tính là "0 điểm" và sẽ xử lý kết quả là trượt phỏng vấn.

※ Đối với khoa biểu diễn âm nhạc phần thi thực hành chỉ thực hiện qua hình thức thi trực tiếp. Nếu điểm thi thực hành dưới 100 điểm thì sẽ xử lý kết quả là trượt phỏng vấn.

#### 4. Khoa (ngành) tuyển sinh và số lượng tuyển sinh

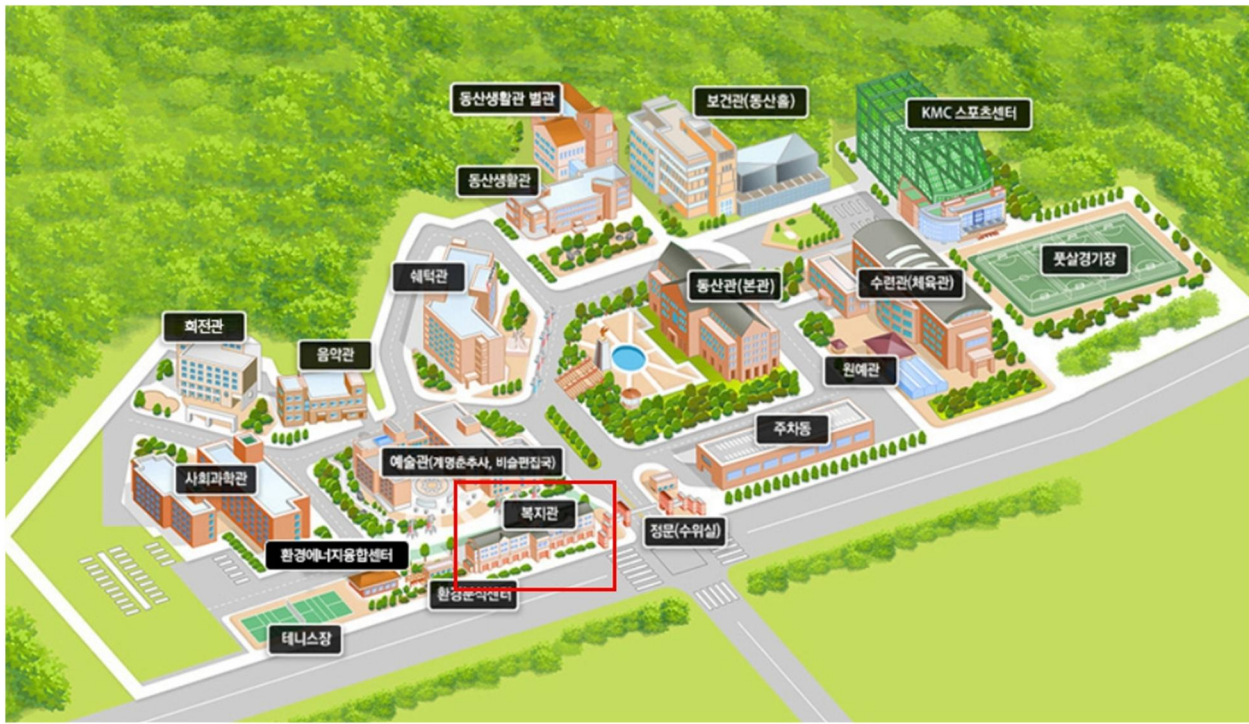
STT	Khối	Khoa (ngành)	Số lượng	Ghi chú
1	Khối xã hội nhân văn	Khoa giáo dục mầm non (3 năm)	5	
2		Khoa kế toán – marketing Chuyên ngành kế toán – thông tin tài chính	5	
3		Khoa kế toán – marketing Chuyên ngành cung ứng công	3	
4		Khoa dịch vụ Quốc tế - Khách sạn & hàng không	10	
4	Khối khoa học tự nhiên	Khoa ẩm thực khách sạn - Chuyên ngành chế biến món ăn	36	
6	Khối kỹ thuật	Khoa cơ khí	20	
7	Khối nghệ thuật thể thao	Ngành thiết kế thời trang & kinh doanh thương mại	1	
8		Khoa thiết kế công nghệ tích hợp	3	
9		Khoa thể dục đời sống Chuyên ngành thể dục đời sống	3	
10		Khoa biểu diễn âm nhạc	4	
11		Khoa thẩm mỹ	6	
12		Khoa chăm sóc da	5	
<b>hợp</b>			<b>101</b>	

## VI. THÔNG TIN HƯỚNG DẪN KHÁC

### 1. Hướng dẫn về việc thu nhập và sử dụng thông tin cá nhân

- Thu nhập và sử dụng thông tin cá nhân của sinh viên để xét tuyển nhập học như sau:
  - Thông tin người ứng tuyển : Họ tên, số chứng minh thư người nước ngoài, địa chỉ, số điện thoại, thông tin bằng và học bạ, thông tin hộ chiếu ...v
  - Thông tin của người bảo hộ : Mối quan hệ với người đăng ký ứng tuyển, số điện thoại, địa chỉ...
  - Thông tin trường học : Thông tin trường trong và ngoài nước...v
- Thông tin cá nhân được thu nhập chỉ được sử dụng cho mục đích tuyển sinh, học bổng, thống kê học vụ, thông báo kết quả trúng tuyển và các thông báo khác từ trường. Ngoài những mục đích nêu trên, thông tin sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Khi đã hết thời gian lưu trữ thông tin cá nhân hoặc khi mục đích xử lý thông tin đã hoàn thành, các thông tin này sẽ được hủy ngay lập tức.
- Việc đồng ý thu nhập và sử dụng thông tin cá nhân sẽ được lấy ý kiến trong quá trình đăng ký hồ sơ. Nếu không đồng ý, quy trình tuyển sinh có thể sẽ không được tiến hành thuận lợi. Đặc biệt, nếu không đồng ý việc cung cấp hồ sơ học tập và điểm thi đại học theo hình thức trực tuyến, thí sinh sẽ phải nộp hồ sơ trực tiếp.

## 2. Vị trí văn phòng hỗ trợ du học sinh trường cao đẳng văn hóa Keimyung



### 계명문화대학교 복지관 2층 국제처 유학생지원팀

## Liên hệ tư vấn nhập học

♣ Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ văn phòng hợp tác quốc tế.

☎ Người phụ trách 1: 053)589-7941 (KAKAO TALK ID : kmcu7941) Tư vấn tiếng Hàn, tiếng Anh

















☎ Người phụ trách 2: 053)589-7359 (KAKAO TALK ID : Trangmilo2305) Tư vấn tiếng Việt, tiếng Hàn

♣ Địa chỉ : 대구광역시 달서대로 675, 계명문화대학교 복지관 2층 국제처 유학생지원팀 (우 42601)  
(675 Dalseo-daero, Dalseo-gu, Daegu, 42601, KOREA)

♣ Link web trường : [www.kmcu.ac.kr](http://www.kmcu.ac.kr) / ♠ Link web văn phòng hợp tác quốc tế : [www.kmcu.ac.kr/global/](http://www.kmcu.ac.kr/global/)

♣ email : [ofofarmer@kmcu.ac.kr](mailto:ofofarmer@kmcu.ac.kr)

♣ Cách đến trường : Tàu điện ngầm : tàu số 2, ga Keimyung, cửa ra số 7 (đi bộ 10 phút) / Xe buýt : 급행1, 급행7, 달서1, 성서1, 425, 405, 523, 7250

							
INSTAGRAM	You Tube	Zalo	WhatsApp	WeChat	LINE	Telegram	KaKao Talk
							

MEMO